

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẠC 3 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẠC DỪNG CHO VIỆT NAM
(ĐỢT KIỂM TRA NGÀY 20/4/2025)

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
1	B001	22403001	H Bloen	Adrong	15/08/2003	7.0	3.0	6.0	6.0	22.0	5.50	Đạt
2	B002	23301001	Phạm Ngọc	An	04/04/2005	8.0	8.5	5.5	5.5	27.5	6.88	Đạt
3	B003	21413053	Hoàng Ngọc	Ân	01/10/2003	7.0	7.5	5.0	8.0	27.5	6.88	Đạt
4	B004	21311042	Bùi Thị Trâm	Anh	18/04/2003	6.5	6.0	6.5	5.0	24.0	6.00	Đạt
5	B005	21901002	Hà Thị Lan	Anh	13/09/2002	7.0	6.0	5.5	7.5	26.0	6.50	Đạt
6	B006	23901003	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/12/2005	7.0	7.0	6.5	6.5	27.0	6.75	Đạt
7	B007	19307295	Rmah	Anh	04/06/2000	6.0	3.5	3.0	5.5	18.0	4.50	Không đạt
8	B008	21402007	Trần Lâm Quốc	Anh	18/03/2003	7.0	7.0	8.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
9	B009	21309039	Võ Thị Ngọc	Anh	26/05/2003	8.0	9.0	5.5	5.0	27.5	6.88	Đạt
10	B010	20413002	Lê Thị Ngọc	Ánh	21/05/2002	8.0	4.0	6.0	6.5	24.5	6.13	Đạt
11	B011	21311044	Phan Nguyệt	Ánh	23/10/2003	8.5	9.0	3.5	8.5	29.5	7.38	Đạt
12	B012	20411045	Vì Thị Nguyệt	Ánh	26/09/2002	7.5	3.0	6.0	5.0	21.5	5.38	Đạt
13	B013	21309040	H Rim	Ayũn	08/02/2003	4.5	5.5	6.5	7.0	23.5	5.88	Đạt
14	B014	21402012	Chung Hậu	Bắc	17/01/2003	5.5	5.0	4.5	5.0	20.0	5.00	Đạt
15	B015	21401053	Ai	Bin	01/04/2003	6.5	7.5	6.5	6.0	26.5	6.63	Đạt
16	B016	21311045	Đặng Duy	Bình	23/04/2003	6.5	5.5	8.5	6.5	27.0	6.75	Đạt
17	B017	16404006	Huỳnh Lưu	Bình	08/12/1998	7.5	5.0	5.5	8.5	26.5	6.63	Đạt
18	B018	21406009	H Lợi	Bkrông	08/03/2003	8.0	9.0	4.0	5.0	26.0	6.50	Đạt
19	B019	20902031	H Nhạc	Bkrông	02/07/2002	8.0	6.5	5.0	6.5	26.0	6.50	Đạt
20	B020	20311059	Thổ Hoàng	Bửu	14/06/2001	7.5	7.5	7.5	7.5	30.0	7.50	Đạt
21	B021	18307030	Hán Quảng Vĩ	Châu	02/01/2000	7.0	4.5	7.0	7.0	25.5	6.38	Đạt
22	B022	17303007	Phan Minh	Châu	08/03/1999	8.5	9.0	6.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
23	B023	22403010	Huỳnh Thị Yến	Chi	26/12/2003	8.0	5.5	6.5	5.5	25.5	6.38	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
24	B024	22903009	Phạm Nguyễn Khánh	Chi	24/11/2004	7.0	8.0	6.0	5.5	26.5	6.63	Đạt
25	B025	21311047	Nguyễn Văn	Cường	22/10/2003	8.5	9.0	5.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
26	B026	21901011	Hoàng Linh	Đan	13/03/2003	8.0	9.0	7.0	5.5	29.5	7.38	Đạt
27	B027	23605004	Lê Thanh	Đạt	09/05/2005	5.0	7.0	6.5	7.5	26.0	6.50	Đạt
28	B028	16103016	Hoàng Nhân	Đích	15/06/1998	7.5	6.0	2.5	8.0	24.0	6.00	Đạt
29	B029	14606005	H Tâm Long	Dinh	27/05/1996	7.0	9.0	6.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
30	B030	21607003	Nguyễn Văn	Đình	04/06/2001	7.5	4.5	6.0	6.5	24.5	6.13	Đạt
31	B031	21605009	Pang Ting Ha	Dom	10/10/2002	7.5	9.0	6.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
32	B032	21401011	Đặng Minh	Đức	26/02/2003	8.0	5.5	4.0	5.5	23.0	5.75	Đạt
33	B033	19410025	Hà Thị Mỹ	Dung	30/03/2001	8.0	9.0	3.0	5.5	25.5	6.38	Đạt
34	B034	21413055	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	12/08/2003	4.5	5.0	5.0	7.5	22.0	5.50	Đạt
35	B035	24903030	Phạm Thị Hạnh	Dung	16/03/2006	6.0	3.0	5.5	3.5	18.0	4.50	Không đạt
36	B036	20411004	Phạm Thị Kim	Dung	29/11/2002	6.0	4.0	7.0	4.5	21.5	5.38	Đạt
37	B037	21413056	Phạm Tấn	Dũng	27/08/2003	8.0	3.0	6.0	7.0	24.0	6.00	Đạt
38	B038	21403021	Bùi Thị Ánh	Dương	07/09/2003	8.0	8.0	6.5	2.5	25.0	6.25	Đạt
39	B039	21410161	Trần Khánh	Dương	27/09/2003	9.0	8.0	7.5	6.0	30.5	7.63	Đạt
40	B040	18101001	Lê Thị Khánh	Duyên	22/08/2000	7.0	8.0	4.0	5.0	24.0	6.00	Đạt
41	B041	22403017	Nguyễn Thị	Duyên	08/07/2004	7.0	6.5	7.0	3.5	24.0	6.00	Đạt
42	B042	21402022	Nguyễn Thị Ánh	Duyên	27/10/2003	7.0	2.5	7.0	8.0	24.5	6.13	Đạt
43	B043	21410162	Bđáp H' Sương	Êban	24/11/2003	6.5	7.0	3.5	6.5	23.5	5.88	Đạt
44	B044	21607004	H Du	Êban	20/02/2003	5.5	4.5	6.5	2.0	18.5	4.63	Không đạt
45	B045	21311006	Hoàng Thị Kiều	Giang	22/10/2001	7.0	8.0	7.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
46	B046	21402035	Nguyễn Tiên	Giang	28/08/2003	9.0	3.0	6.5	6.0	24.5	6.13	Đạt
47	B047	22601014	Chu Thị Thu	Hà	19/01/2004	8.0	3.0	6.0	5.5	22.5	5.63	Đạt
48	B048	22403028	Đinh Thị Mỹ	Hà	20/04/2004	7.5	5.5	7.0	6.5	26.5	6.63	Đạt
49	B049	20305198	Nguyễn Hải	Hà	20/06/2001	5.0	8.0	6.5	7.0	26.5	6.63	Đạt
50	B050	21410023	Trịnh Vỹ	Hà	31/08/2003	8.5	9.0	3.5	4.5	25.5	6.38	Đạt
51	B051	21311051	Xa Thị Như	Hà	27/10/2003	7.0	5.5	8.0	8.0	28.5	7.13	Đạt
52	B052	20402189	Vàng Ngọc	Hạ	28/12/2002	5.0	8.5	7.0	7.5	28.0	7.00	Đạt
53	B053	15307059	Lê Thanh	Hải	11/08/1997	6.0	4.5	6.0	6.0	22.5	5.63	Đạt
54	B054	20402192	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	27/12/2002	5.0	8.0	7.0	5.5	25.5	6.38	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
55	B055	21903027	Puih	H'hlai	02/08/2002	4.5	6.5	5.5	3.5	20.0	5.00	Đạt
56	B056	21403034	Nguyễn Thị Kim	Hiên	09/06/2003	7.0	7.5	7.5	6.5	28.5	7.13	Đạt
57	B057	21311055	Ngô Thúy	Hiên	29/04/2003	8.0	5.5	5.5	6.0	25.0	6.25	Đạt
58	B058	21402049	Nguyễn Minh	Hiên	18/10/2003	7.0	3.5	5.5	3.0	19.0	4.75	Không đạt
59	B059	21402231	Phạm Thị Thúy	Hiên	18/03/2003	5.0	7.5	7.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
60	B060	22601015	Trương Thị	Hiên	10/04/2004	6.5	5.0	4.0	2.5	18.0	4.50	Không đạt
61	B061	22311013	Lê Hồng	Hiệp	04/06/2004	6.0	7.5	8.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
62	B062	21607058	H Đa Ra	Hlõng	19/11/2003	5.5	5.0	5.5	4.0	20.0	5.00	Đạt
63	B063	21607059	H' Vêra	Hlõng	08/01/2003	5.0	6.0	3.5	1.5	16.0	4.00	Không đạt
64	B064	21605020	Y Na	Hmõk	07/08/2002	4.5	6.0	4.5	3.0	18.0	4.50	Không đạt
65	B065	21607007	Nguyễn Thị Thúy	Hoài	18/08/2003	4.5	2.5	4.5	7.0	18.5	4.63	Không đạt
66	B066	21403040	Phạm Thị Thanh	Hoài	01/01/2003	3.0	4.5	6.5	5.0	19.0	4.75	Không đạt
67	B067	21311056	Nguyễn Thị Minh	Hoàn	26/12/2003	5.0	4.5	7.0	7.0	23.5	5.88	Đạt
68	B068	21402064	Đỗ Văn	Hùng	05/08/2003	5.0	5.0	6.5	5.5	22.0	5.50	Đạt
69	B069	22103026	Nguyễn Kim	Hùng	16/12/2003	5.5	2.5	5.5	6.5	20.0	5.00	Đạt
70	B070	20305206	Nguyễn Quốc	Hùng	22/11/2002	7.0	5.0	4.0	3.0	19.0	4.75	Không đạt
71	B071	22604005	Bùi Cao Nguyên	Hương	24/10/2004	6.5	3.0	5.5	2.0	17.0	4.25	Không đạt
72	B072	18307496	Đinh Gia	Huy	28/08/2000	5.5	6.0	7.0	8.5	27.0	6.75	Đạt
73	B073	21605022	Đỗ Thanh	Huy	30/07/2003	0.5	3.0	2.0	5.0	10.5	2.63	Không đạt
74	B074	21311058	Nguyễn Đức	Huy	02/08/2003	6.5	6.0	8.0	9.0	29.5	7.38	Đạt
75	B075	22604004	Nguyễn Thành	Huy	05/10/2004	6.0	5.0	7.0	7.5	25.5	6.38	Đạt
76	B076	23101010	Trần Đăng	Huy	08/11/2005	5.0	4.5	7.5	7.5	24.5	6.13	Đạt
77	B077	20303005	Trần Hoàng	Huy	21/12/2001	5.0	3.0	6.5	4.0	18.5	4.63	Không đạt
78	B078	21402061	Trương Quang	Huy	09/12/2003	5.0	3.5	4.5	6.5	19.5	4.88	Không đạt
79	B079	20305157	Lê Thị	Huyền	15/06/2002	6.5	3.0	6.0	4.5	20.0	5.00	Đạt
80	B080	23901020	Vũ Ngọc	Huyền	28/08/2005	6.5	3.0	8.0	8.5	26.0	6.50	Đạt
81	B081	23601008	Trần Hoàng	Khang	18/07/2005	7.0	4.5	6.0	7.5	25.0	6.25	Đạt
82	B082	21311062	Hoàng Thiên Kim	Khánh	05/10/2003	6.5	2.5	6.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
83	B083	21413073	Nguyễn Ngọc Bảo	Khuyên	14/06/2003	5.5	4.5	7.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
84	B084	20103162	Lê Trung	Kiên	17/01/2002	8.0	5.0	3.0	6.5	22.5	5.63	Đạt
85	B085	21410045	H - Tuân	Knul	25/09/2003	9.0	8.5	6.5	5.5	29.5	7.38	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
86	B086	22403050	H Hoa	Knul	14/04/2004	9.0	4.5	7.5	7.0	28.0	7.00	Đạt
87	B087	21311014	Trịnh Hà Vi	Knul	02/10/2003	9.0	9.0	6.0	5.5	29.5	7.38	Đạt
88	B088	21403050	Y Lương	Knul	28/10/2003	7.5	5.0	6.0	5.0	23.5	5.88	Đạt
89	B089	22102005	Y Long	Kpã	30/01/2004	2.5	4.0	6.0	8.0	20.5	5.13	Đạt
90	B090	22406021	H Khuê Buôn	Krông	31/01/2004	3.0	3.0	6.0	5.5	17.5	4.38	Không đạt
91	B091	23902012	H' Nan -	Ksor	20/06/2005	3.5	3.0	7.0	7.0	20.5	5.13	Đạt
92	B092	21903040	H Quyên	Ktla	02/08/2003	9.0	4.0	5.0	5.0	23.0	5.75	Đạt
93	B093	21103048	Nguyễn Tấn	Lâm	12/07/2003	9.0	4.5	6.0	5.0	24.5	6.13	Đạt
94	B094	21401047	Nguyễn Trường	Lâm	29/01/2003	9.0	9.0	6.0	9.0	33.0	8.25	Đạt
95	B095	21305063	Vũ Thế	Lâm	26/07/2001	8.0	3.5	5.5	5.0	22.0	5.50	Đạt
96	B096	23307080	Lê Ngọc	Lan	24/11/2005	7.5	4.5	7.5	8.5	28.0	7.00	Đạt
97	B097	23902013	Puih H'	Lăn	02/05/2005	7.5	4.0	7.0	6.5	25.0	6.25	Đạt
98	B098	22601023	Hoàng Thị Trúc	Li	21/04/2004	3.0	3.0	6.0	5.0	17.0	4.25	Không đạt
99	B099	22903091	Y Sy	Lìn	22/10/2004	5.0	3.0	3.0	4.0	15.0	3.75	Không đạt
100	B100	21601125	Đỗ Thị Phương	Linh	17/04/2003	4.5	2.0	4.5	5.5	16.5	4.13	Không đạt
101	B101	22403055	Hoàng Thị Khánh	Linh	20/01/2004	6.0	5.0	6.5	8.5	26.0	6.50	Đạt
102	B102	22103037	Nguyễn Nhật	Linh	30/12/2004	8.0	4.5	8.5	8.5	29.5	7.38	Đạt
103	B103	21402079	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/01/2003	4.5	3.0	6.0	6.5	20.0	5.00	Đạt
104	B104	21402080	Trần Thị Tùng	Linh	28/04/2003	6.5	4.0	7.0	7.5	25.0	6.25	Đạt
105	B105	20410182	Nông Văn	Liu	26/12/2002	2.0	3.0	6.0	6.5	17.5	4.38	Không đạt
106	B106	20403062	Nguyễn Thị	Lợi	17/11/2002	3.0	6.0	5.0	5.5	19.5	4.88	Không đạt
107	B107	20101031	Lưu Xuân	Long	01/01/2001	3.5	2.5	6.0	5.5	17.5	4.38	Không đạt
108	B108	21411017	Phạm Quốc	Long	22/02/2003	4.0	5.0	5.5	7.0	21.5	5.38	Đạt
109	B109	22101018	Tổng Thị Thảo	Luận	20/12/2004	8.5	3.0	6.5	6.0	24.0	6.00	Đạt
110	B110	18302016	H Luyn	Luk	05/04/1999	4.5	3.0	4.0	3.0	14.5	3.63	Không đạt
111	B111	21608009	Rmah	Lương	14/08/2003	4.0	4.5	6.5	7.0	22.0	5.50	Đạt
112	B112	20311089	Ngô Thị Trúc	Ly	20/06/2002	8.5	3.5	6.5	6.0	24.5	6.13	Đạt
113	B113	21309057	Kim Ngọc Phương	Mai	25/08/2003	6.5	4.5	7.0	7.5	25.5	6.38	Đạt
114	B114	21309059	Nguyễn Tuyết Xuân	Mai	14/08/2003	4.5	5.0	5.0	5.0	19.5	4.88	Không đạt
115	B115	21403072	Trà Văn	Minh	23/04/2003	4.5	2.5	7.0	7.5	21.5	5.38	Đạt
116	B116	20304012	H' Nhé	Mlô	02/12/2000	7.5	3.5	5.0	4.5	20.5	5.13	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
117	B117	21608049	H' Su Yu	MIô	28/10/2003	4.0	3.5	4.5	7.0	19.0	4.75	Không đạt
118	B118	21413086	Nguyễn Đỗ Ngọc Trà	My	20/12/2003	7.0	3.0	5.5	7.0	22.5	5.63	Đạt
119	B119	21402096	Võ Huỳnh Diễm	My	26/07/2003	7.0	3.0	5.5	4.5	20.0	5.00	Đạt
120	B120	22903042	Vũ Đào Thoại	My	25/09/2004	8.0	3.5	6.5	5.0	23.0	5.75	Đạt
121	B121	22604007	Phạm Thị	My	06/10/2004	4.0	4.0	6.5	4.0	18.5	4.63	Không đạt
122	B122	19307153	Lê Thị	Na	25/03/2001	4.5	3.5	6.5	7.0	21.5	5.38	Đạt
123	B123	22903043	Phạm Thị	Na	18/03/2001	7.0	3.0	4.5	2.5	17.0	4.25	Không đạt
124	B124	21402100	Hà Nguyễn Hoàng	Nam	10/02/2003	8.5	3.5	6.0	4.5	22.5	5.63	Đạt
125	B125	21410190	Nguyễn Văn	Nam	30/07/2003	8.5	4.0	6.0	3.5	22.0	5.50	Đạt
126	B126	19307156	Phạm Thành	Nam	24/08/2001	5.0	3.5	7.0	7.0	22.5	5.63	Đạt
127	B127	21402101	Đinh Thị	Nga	20/03/2003	8.5	3.0	8.0	4.5	24.0	6.00	Đạt
128	B128	21403077	Trần Thị Thúy	Nga	27/03/2003	8.5	2.5	6.5	3.0	20.5	5.13	Đạt
129	B129	20311023	Thiên Nữ Kim	Ngân	16/01/2002	8.5	3.5	5.5	2.0	19.5	4.88	Không đạt
130	B130	22601046	Đàm Như	Ngọc	29/06/2004	7.0	2.0	8.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
131	B131	23307111	Lê Trương Thiên	Ngọc	07/11/2004	7.0	8.0	7.0	8.0	30.0	7.50	Đạt
132	B132	21311079	Nguyễn Huỳnh Diễm	Ngọc	20/04/2003	7.0	4.5	7.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
133	B133	23301013	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc	13/11/2005	7.5	3.0	6.5	7.0	24.0	6.00	Đạt
134	B134	19606072	Vũ Đoàn Bảo	Ngọc	26/09/2000	8.0	6.5	4.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
135	B135	21402115	Chu Phúc	Nguyên	06/07/2003	8.5	5.0	8.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
136	B136	20305073	Phan Thị	Nguyên	28/09/2002	8.0	7.5	7.0	5.0	27.5	6.88	Đạt
137	B137	22410049	Đỗ Thị Mỹ	Nhân	15/11/2004	8.0	9.0	7.0	5.0	29.0	7.25	Đạt
138	B138	19307177	Nguyễn Tấn	Nhân	20/09/2001	7.0	7.5	8.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
139	B139	18305067	Phạm Hoàng	Nhân	09/01/2000	7.0	4.0	6.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
140	B140	21103070	Dương Nguyễn Xuân	Nhật	19/06/2003	7.0	5.0	5.5	4.0	21.5	5.38	Đạt
141	B141	21401004	Nguyễn Hữu Minh	Nhật	22/11/2003	8.0	7.0	5.5	4.0	24.5	6.13	Đạt
142	B142	21412129	Đinh Thị Tuyết	Nhi	15/07/2003	8.0	8.0	6.5	6.5	29.0	7.25	Đạt
143	B143	22410050	Hoàng Tâm	Nhi	22/06/2004	8.0	6.5	6.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
144	B144	21410198	Phan Thị Quý	Nhi	25/07/2003	8.0	9.0	8.0	5.0	30.0	7.50	Đạt
145	B145	21403102	Trần Đoàn Linh	Nhi	18/01/2003	8.0	8.5	5.5	4.0	26.0	6.50	Đạt
146	B146	24903110	Trần Thị Yến	Nhi	08/01/2006	8.0	6.5	5.0	5.0	24.5	6.13	Đạt
147	B147	20311027	Ksor H'	Nhim	16/05/2001	8.0	6.0	5.5	5.0	24.5	6.13	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
148	B148	22403074	Nguyễn Ngọc	Như	29/07/2004	8.0	7.0	6.0	6.0	27.0	6.75	Đạt
149	B149	21101114	Huỳnh Nguyễn Hoài	Như	28/04/2003	8.0	5.5	6.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
150	B150	22604011	Ma Thị	Như	25/03/2004	7.0	6.5	6.0	6.0	25.5	6.38	Đạt
151	B151	22410052	Nguyễn Thị	Như	11/03/2004	7.5	8.5	6.0	4.0	26.0	6.50	Đạt
152	B152	23102013	Trần Thị Thảo	Như	18/08/2005	6.0	4.0	6.0	7.0	23.0	5.75	Đạt
153	B153	21402128	Võ Thị Quỳnh	Như	30/07/2003	8.0	7.5	6.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
154	B154	21311082	Tạ Phương Hồng	Nhung	01/10/2003	8.0	7.0	7.0	8.0	30.0	7.50	Đạt
155	B155	21410078	H ' Tinh	Niê	01/01/1999	8.0	6.5	6.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
156	B156	20903075	H' Brãi	Niê	23/10/2002	8.0	7.0	6.0	4.0	25.0	6.25	Đạt
157	B157	18601027	H El	Niê	25/12/1999	7.0	3.5	7.0	6.0	23.5	5.88	Đạt
158	B158	18302035	H En	Niê	18/12/2000	7.0	8.0	8.0	8.0	31.0	7.75	Đạt
159	B159	21311083	H Rinh	Niê	06/04/2003	8.5	5.5	6.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
160	B160	19305100	Y Huy	Niê	08/02/1997	8.0	8.0	3.5	5.0	24.5	6.13	Đạt
161	B161	21605030	Y Phùng	Niê	25/08/2003	8.0	4.0	6.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
162	B162	22903061	Y -	Nữ	10/06/2004	1.5	3.5	7.0	6.0	18.0	4.50	Không đạt
163	B163	22607052	Nguyễn Thị Kiều Ngọc	Oanh	31/08/2004	2.5	7.0	6.0	5.5	21.0	5.25	Đạt
164	B164	23307127	Nguyễn Tú	Oanh	14/03/2005	8.5	7.0	7.0	4.5	27.0	6.75	Đạt
165	B165	21311084	Thập Thị Hồng	Oanh	02/08/2002	8.5	9.0	7.5	3.0	28.0	7.00	Đạt
166	B166	23307128	Trần Nguyễn Kiều	Oanh	23/04/2005	8.0	4.5	8.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
167	B167	21404025	Lê Hữu	Phát	14/02/2003	7.0	4.0	6.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
168	B168	21404026	Phạm Trung	Phát	30/01/2002	8.5	9.0	7.0	3.5	28.0	7.00	Đạt
169	B169	20903084	H Hồng	Phôk	02/06/2000	8.5	8.0	5.5	2.0	24.0	6.00	Đạt
170	B170	21413034	Đặng Minh	Phúc	26/02/2003	7.5	6.5	5.5	5.5	25.0	6.25	Đạt
171	B171	22903064	Đoàn Thị Thanh	Phuong	04/01/2002	7.0	7.5	7.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
172	B172	22902020	Lê Thị	Phuong	06/01/2004							Vắng
173	B173	20304014	Nguyễn Thị	Phuong	27/07/2002	8.0	8.0	6.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
174	B174	17303034	Đào Thị Minh	Phượng	27/11/1998	8.0	8.5	9.0	9.0	34.5	8.63	Đạt
175	B175	23307140	Nguyễn Lê Hồng	Phượng	17/08/2005	8.0	7.5	8.5	7.5	31.5	7.88	Đạt
176	B176	22103054	Nguyễn Mạnh	Quân	01/07/2004	8.0	8.5	6.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
177	B177	17303035	Nguyễn Minh	Quang	13/09/1999	8.0	9.5	4.5	2.0	24.0	6.00	Đạt
178	B178	21103180	Nguyễn Trần Đăng	Quang	21/07/2003	8.5	8.5	4.5	1.0	22.5	5.63	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
179	B179	21406097	Nguyễn Anh	Quốc	20/12/2002	6.0	6.5	5.0	8.0	25.5	6.38	Đạt
180	B180	23901051	Nguyễn Thị Tú	Quyên	02/10/2005	8.0	9.5	6.0	3.5	27.0	6.75	Đạt
181	B181	19307207	Trịnh Ngọc	Quyết	09/02/2001	8.5	8.0	6.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
182	B182	20902022	Siu H'	Sa	31/08/2001	7.5	6.5	7.5	3.5	25.0	6.25	Đạt
183	B183	18401032	Rcom	Sabát	18/08/1998	8.5	8.5	3.5	2.0	22.5	5.63	Đạt
184	B184	20901141	Ksor	Sang	27/06/2001	8.5	8.0	6.0	4.5	27.0	6.75	Đạt
185	B185	21303035	Nguyễn Văn	Sáng	25/02/2003	8.5	7.5	7.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
186	B186	21903067	Ka	Sẻ	14/07/2003	6.5	9.0	6.0	1.0	22.5	5.63	Đạt
187	B187	21604017	Y Kiên	Siu	20/10/2002	8.5	7.5	5.5	4.0	25.5	6.38	Đạt
188	B188	21103186	Huỳnh Trọng	Sơn	30/09/2003	8.5	8.0	5.5	4.0	26.0	6.50	Đạt
189	B189	21402143	Dương Bá	Tài	08/07/2003	8.0	8.0	6.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
190	B190	21410206	Hồ Sỹ	Tài	12/08/2002	7.0	8.0	6.0	3.5	24.5	6.13	Đạt
191	B191	20305235	Nguyễn Thanh	Tài	15/02/2002	8.5	7.5	6.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
192	B192	22412048	Nguyễn Đức	Tấn	25/10/2002	7.5	7.5	8.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
193	B193	21402146	Trần Minh	Thái	31/07/2003	8.0	8.0	7.5	7.5	31.0	7.75	Đạt
194	B194	21413106	Ngô Quốc	Thắng	10/02/2003	8.0	9.0	5.5	2.5	25.0	6.25	Đạt
195	B195	21401049	Nguyễn Hữu	Thắng	30/09/2003	7.5	9.0	6.5	2.5	25.5	6.38	Đạt
196	B196	20411042	Tôn Thất	Thắng	19/05/2002	8.5	9.0	5.5	5.0	28.0	7.00	Đạt
197	B197	19307231	Trịnh Viết	Thắng	29/08/2001	8.5	9.0	6.0	8.0	31.5	7.88	Đạt
198	B198	19601041	Đoàn Phương	Thanh	01/08/2001	9.0	9.0	6.5	6.0	30.5	7.63	Đạt
199	B199	20402298	Nguyễn Thị	Thanh	13/08/2002	8.0	8.5	7.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
200	B200	24101021	Đinh Công	Thành	02/08/2006	8.0	9.5	8.0	7.0	32.5	8.13	Đạt
201	B201	22403096	Bùi Thị Thu	Thảo	04/09/2003	8.0	9.0	8.5	4.5	30.0	7.50	Đạt
202	B202	22406039	Dương Thị Thu	Thảo	28/02/2004	7.0	8.5	6.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
203	B203	24403116	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/03/2006	8.0	9.0	7.0	6.0	30.0	7.50	Đạt
204	B204	21411027	Nguyễn Thị Thu	Thảo	27/02/2003	8.0	9.0	6.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
205	B205	21406114	Trần Gia	Thảo	01/01/2003	8.0	9.0	7.5	4.5	29.0	7.25	Đạt
206	B206	20103049	Nguyễn Văn	Thế	20/04/1998	8.0	9.5	5.5	5.0	28.0	7.00	Đạt
207	B207	21301022	Trần Thị	Thị	12/02/2003	5.0	8.0	7.5	8.5	29.0	7.25	Đạt
208	B208	22903077	Puih H'	Thĩ	09/01/2004	8.0	9.5	7.0	6.5	31.0	7.75	Đạt
209	B209	19303036	Phạm Đắc	Thịnh	06/04/2001	8.0	8.5	7.0	5.5	29.0	7.25	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
210	B210	20103051	A	Thơ	21/11/2001	8.5	9.5	6.0	8.5	32.5	8.13	Đạt
211	B211	22403101	Lê Thị Phúc	Thọ	13/07/2004	8.0	9.0	6.5	8.0	31.5	7.88	Đạt
212	B212	21101124	Nguyễn Quang	Thọ	28/06/2003	9.0	9.5	8.0	9.0	35.5	8.88	Đạt
213	B213	21303018	Y	Thoả	20/04/2002	9.0	9.0	7.0	6.5	31.5	7.88	Đạt
214	B214	21402154	Ngô Minh	Thông	20/05/2002	6.0	8.5	4.5	7.0	26.0	6.50	Đạt
215	B215	23102016	Đỗ Thị	Thu	30/09/2004	7.5	9.0	7.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
216	B216	22403106	Đoàn Anh	Thư	22/07/2004	8.0	9.0	5.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
217	B217	22403108	Nguyễn Anh	Thư	25/01/2004	8.0	9.0	6.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
218	B218	22410074	Võ Minh	Thư	07/10/2004	8.5	9.0	6.5	6.0	30.0	7.50	Đạt
219	B219	21313017	Huỳnh Thị Phước	Thục	01/01/2002	8.5	9.5	6.5	8.0	32.5	8.13	Đạt
220	B220	22604018	Hoàng Thị Thu	Thương	12/07/2004	8.5	9.0	6.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
221	B221	20305109	Trần Huỳnh Hoài	Thương	01/09/2000	8.5	9.5	7.5	5.0	30.5	7.63	Đạt
222	B222	21402160	Phạm Thị Kiều	Thúy	04/02/2003	8.5	9.0	7.0	5.5	30.0	7.50	Đạt
223	B223	22103071	Trần Thị Thanh	Thúy	31/08/2004	9.0	9.0	7.5	7.0	32.5	8.13	Đạt
224	B224	22903072	Hồ Thị Thu	Thùy	08/06/2004	8.0	9.0	5.0	4.5	26.5	6.63	Đạt
225	B225	22103072	Nguyễn Thị	Thùy	25/09/2004	9.0	9.0	7.5	8.0	33.5	8.38	Đạt
226	B226	22403104	Bùi Thu	Thủy	06/04/2003	8.0	5.5	6.5	4.5	24.5	6.13	Đạt
227	B227	21607026	Lê Thị	Thủy	20/10/2003	8.0	3.0	4.5	4.0	19.5	4.88	Không đạt
228	B228	21311091	Trương Ngọc Bích	Thủy	31/01/2003	8.0	2.0	5.0	3.0	18.0	4.50	Không đạt
229	B229	21901093	H'	Tiên	31/05/2003	4.5	2.0	4.0	5.0	15.5	3.88	Không đạt
230	B230	23101032	Nguyễn Thủy	Tiên	25/01/2005	8.5	4.0	7.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
231	B231	21311032	Trương Thị Cẩm	Tiên	20/01/2003	7.5	8.0	5.0	5.0	25.5	6.38	Đạt
232	B232	21413133	Trần Văn	Tiến	27/05/2002	7.0	6.5	3.0	4.5	21.0	5.25	Đạt
233	B233	22103075	Đào Thị Thanh	Trà	08/10/2004	7.0	4.0	8.5	7.0	26.5	6.63	Đạt
234	B234	21311033	Nguyễn Ngọc	Trâm	01/11/2003	7.5	1.5	6.5	7.5	23.0	5.75	Đạt
235	B235	21413113	Lê Tuyết	Trân	26/01/2003	7.5	3.5	6.0	7.0	24.0	6.00	Đạt
236	B236	20307213	Bùi Thị	Trang	11/06/2001	8.5	4.0	8.0	8.5	29.0	7.25	Đạt
237	B237	20403127	Đinh Thị Huyền	Trang	17/10/2001	7.0	4.0	1.0	1.5	13.5	3.38	Không đạt
238	B238	23102019	Mai Nguyễn Vân	Trang	20/09/2005	8.5	3.0	7.0	5.0	23.5	5.88	Đạt
239	B239	23901062	Nguyễn Hiền	Trang	24/06/2005	7.5	4.0	7.5	7.0	26.0	6.50	Đạt
240	B240	21601101	Nguyễn Thị	Trang	28/08/2002	8.0	9.0	6.5	6.0	29.5	7.38	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
241	B241	22607032	Nguyễn Thị Hoài	Trang	03/06/2004	8.0	4.0	6.0	3.5	21.5	5.38	Đạt
242	B242	21903077	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/11/2003	8.0	8.0	6.0	2.5	24.5	6.13	Đạt
243	B243	20302035	Trần Thiện	Triều	01/10/2002	8.0	6.0	6.5	4.5	25.0	6.25	Đạt
244	B244	22101038	Trần Nguyễn Kiều	Trinh	10/01/2004	8.0	10.0	7.5	5.0	30.5	7.63	Đạt
245	B245	21401009	Đinh Văn	Trúc	24/02/2003	8.0	3.0	3.5	3.0	17.5	4.38	Không đạt
246	B246	21402302	Nguyễn Quỳnh Thanh	Trúc	28/04/2003	8.5	6.0	7.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
247	B247	20903116	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	01/03/2002	8.5	2.0	6.5	7.0	24.0	6.00	Đạt
248	B248	22402126	Trần Thanh	Trúc	25/08/2004	8.5	8.0	6.0	6.5	29.0	7.25	Đạt
249	B249	22410085	Vũ Thị Thanh	Trúc	20/09/2004	5.0	5.0	6.0	6.0	22.0	5.50	Đạt
250	B250	20303024	Nguyễn Quang	Trung	09/10/2002	8.5	9.0	5.5	2.0	25.0	6.25	Đạt
251	B251	21303027	Phạm Thành	Trung	07/04/2003	8.0	7.0	7.0	3.0	25.0	6.25	Đạt
252	B252	22305173	Bế Văn	Trường	20/01/2003	8.0	10.0	7.5	2.5	28.0	7.00	Đạt
253	B253	21103139	Nguyễn Đa	Trường	14/09/2003	7.0	4.0	5.0	7.5	23.5	5.88	Đạt
254	B254	22406055	Adrong H	Tú	06/04/2004	7.5	3.0	8.0	5.5	24.0	6.00	Đạt
255	B255	23902031	Nguyễn Văn	Tú	18/05/2005	8.0	3.0	6.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
256	B256	21410120	Ngô Văn	Tuấn	05/07/2002	8.0	6.5	6.0	5.0	25.5	6.38	Đạt
257	B257	22103080	Vì Văn	Tuấn	01/05/2004	8.0	3.0	5.0	6.5	22.5	5.63	Đạt
258	B258	20305129	Lục Thanh	Tùng	22/09/2002	5.0	2.0	6.0	7.0	20.0	5.00	Đạt
259	B259	20412048	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	02/11/2002	4.0	2.5	4.5	5.0	16.0	4.00	Không đạt
260	B260	16404101	Hòa Thị Ánh	Tuyết	14/07/1994	6.0	4.0	5.0	8.0	23.0	5.75	Đạt
261	B261	20903117	Nay H'	Tuyết	18/10/2002	5.5	5.0	2.5	6.0	19.0	4.75	Không đạt
262	B262	21311098	Trần Thị Ánh	Tuyết	13/01/2003	4.5	5.0	8.0	8.5	26.0	6.50	Đạt
263	B263	21903081	R'châm H'	Uím	01/01/2003	5.0	3.0	3.5	2.5	14.0	3.50	Không đạt
264	B264	20305182	Bạch Thị Thanh	Uyên	20/05/2002	5.5	4.0	6.5	5.5	21.5	5.38	Đạt
265	B265	24902048	Lưu Thảo	Uyên	24/09/2006	5.5	5.5	7.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
266	B266	21413118	Nguyễn Kiều Nhã	Uyên	24/11/2003	5.0	5.5	8.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
267	B267	22601039	Phan Nguyễn Thu	Uyên	18/01/2004	5.0	3.0	8.0	6.5	22.5	5.63	Đạt
268	B268	22311042	Thanh Thị Mỹ	Uyên	04/04/2003	5.5	3.0	8.0	6.0	22.5	5.63	Đạt
269	B269	21309083	Tô Thị Hồng	Vân	02/11/2003	5.5	5.0	6.0	6.0	22.5	5.63	Đạt
270	B270	21311100	Trượng Thị Hồng	Vân	10/03/2003	4.5	3.5	6.0	7.5	21.5	5.38	Đạt
271	B271	21311101	Lâm Tường	Vi	26/06/2003	5.0	4.0	7.5	7.0	23.5	5.88	Đạt

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm Nghe	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nói	Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả
272	B272	23902035	Romah H'	Vi	10/01/2005	6.0	4.0	7.5	7.5	25.0	6.25	Đạt
273	B273	21101133	Nguyễn Triệu	Vĩ	06/12/2003	5.5	6.0	6.0	7.0	24.5	6.13	Đạt
274	B274	21303023	Hoàng Xuân Nguyên	Vũ	16/08/2003	4.5	3.0	4.5	7.0	19.0	4.75	Không đạt
275	B275	20412092	Lê Đặng Hoàng	Vũ	28/11/2002	5.0	4.5	5.0	5.0	19.5	4.88	Không đạt
276	B276	21413123	Nguyễn Thị Thảo	Vy	13/08/2003							Vắng
277	B277	23901069	Rah Lan Hà	Vy	24/04/2005	5.0	5.0	7.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
278	B278	22901058	Rô	Xi	05/09/2004	4.5	3.0	7.0	6.0	20.5	5.13	Đạt
279	B279	20403292	Huỳnh Thị Hồng	Xuân	24/11/2002	4.0	3.0	5.0	2.5	14.5	3.63	Không đạt
280	B280	17309071	Lê Thị	Xuân	04/12/1999	4.5	5.0	7.5	6.0	23.0	5.75	Đạt
281	B281	22403129	Nguyễn Thị Mai	Xuân	26/02/2004	4.5	5.0	6.5	5.0	21.0	5.25	Đạt
282	B282	22403132	Lương Thị Ngọc	Ý	03/06/2004	5.0	2.5	7.0	5.5	20.0	5.00	Đạt
283	B283	20307250	Nguyễn Thị Như	Ý	29/07/1998	4.5	5.0	6.5	8.5	24.5	6.13	Đạt
284	B284	20604018	Y - Sanka Buôn	Yã	19/12/2002	5.0	4.5	5.5	4.5	19.5	4.88	Không đạt
285	B285	21412079	Lưu Nữ Hoàng	Yến	07/07/2003	5.5	5.0	7.0	9.0	26.5	6.63	Đạt
286	B286	23901070	Nguyễn Thị Bảo	Yến	10/02/2004	4.0	5.0	6.5	7.0	22.5	5.63	Đạt
287	B287	20403316	Phạm Thị Hồng	Yến	14/08/2002	4.0	5.0	7.5	5.5	22.0	5.50	Đạt
288	B288	19601054	Trần Thị Bảo	Yến	23/03/2001							Vắng
289	B289	22601042	H Duyn	Yôkrla	08/02/2002	5.5	5.0	7.0	6.0	23.5	5.88	Đạt

Danh sách gồm 289 thí sinh.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Nam